

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đăng Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Hoàng Sĩ Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị M1 Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2021 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Ma Cao. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Người đại diện theo ủy quyền của chị T:**

+ Anh Nguyễn Bảo Long, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số 6/4 B4 Bình M1, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1947, địa chỉ cư trú: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**3. Bị đơn:** Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**4. Người làm chứng:** Ông Đỗ Huy T1, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Chính, sinh năm 1949. Địa chỉ: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T, người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Bảo Long và bà Phạm Thị M1 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Ngày 02/02/2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Tiến, huyện T Hà (nay là thành phố Hải Dương), tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng phát sinh bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nghi ngờ tình cảm sự chung thủy của nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh P nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng chị T vì thương con muốn cứu vãn hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn. Năm 2010 chị T đi lao động tại Đài Loan đến tháng 5/2012 chị về nước, tháng 8/2012 hai vợ chồng cùng sang Nga lao động. Khi ở Nga vợ chồng tiếp tục có nhiều mâu thuẫn. Năm 2016 do con bị bệnh nên chị T về Việt Nam chữa bệnh cho con. Thời gian tiếp theo do mâu thuẫn căng thẳng, anh P tiếp tục đòi ly hôn, không thể cứu vãn nên chị T đã đưa hai con về ở nhà mẹ đẻ từ đó đến nay. Chị T và anh P đã ly thân từ tháng 01/2016, không có liên lạc gì với nhau. Tháng 12/2017 chị T sang Ma Cao lao động. Chị T xác định đời sống chung quá nhiều bất đồng, vợ chồng mâu thuẫn đã nhiều năm, không còn tình cảm, không thể tiếp tục mối quan hệ vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

- Về quan hệ con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 14/12/2005 và Đỗ Hữu K, sinh ngày 16/6/2008, hiện hai cháu đang ở với bà Phạm Thị M1 là mẹ đẻ của chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con chung đến khi trưởng thành và do mẹ đẻ của chị T là bà Phạm Thị M1 chăm sóc thay trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai cháu M và K có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chi phí chăm sóc cháu M và K do bà M1 và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại đơn đề nghị của anh Đỗ Văn P và các biên bản lấy lời khai, bố đẻ anh P là ông Đỗ Huy T1 và bà Nguyễn Thị Chính trình bày:***

Ông T1 và bà Chính là bố mẹ đẻ của anh Đỗ Văn P và chị Nguyễn Thị T là vợ anh P và là con dâu của ông bà. Anh P và chị T kết hôn tự nguyện và có

đăng ký tại UBND xã Tiên Tiến, huyện T Hà (nay là thành phố Hải Dương), Hải Dương. Mâu thuẫn của anh P và chị T cụ thể thì ông bà cũng không nắm được chỉ biết rằng anh P đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng chị T không kí. Nay chị T đang đi lao động ở nước ngoài còn anh P thì vẫn sinh sống tại thành phố Hải Dương tuy nhiên do anh P đi làm bận rộn nên không thể lên tòa án làm việc. Toàn bộ các văn bản tố tụng tòa án gửi về anh P đã nhận được và đã biết việc chị T xin ly hôn. Qua trao đổi thì ông bà được anh P cho biết anh có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên anh P đồng ý ly hôn với chị T. Anh P xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 14/12/2005 và Đỗ Hữu K, sinh ngày 16/6/2008, hiện hai cháu đang ở với bà Phạm Thị M1 là mẹ đẻ của chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, hai con chung cũng có nguyện vọng ở với mẹ thì anh P đồng ý, anh P xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc đi làm bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh sẽ có đơn trình bày gửi đến tòa án và đề nghị tòa tổng đạt các văn bản thông qua bố đẻ anh là ông T1 và bà Chính. Ông T1 và bà Chính đồng ý nhận thay để thông báo cho anh P. Ngoài ra anh P và ông Chính, bà T1 không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

***Tại phiên tòa hôm nay:***

Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

***Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:***

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn anh P. Về con chung, giao hai con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 14/12/2005 và Đỗ Hữu K, sinh ngày 16/6/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do bà Phạm Thị M1 tiếp tục thay chị T chăm sóc trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

- Chị Nguyễn Thị T là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Ma Cao, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Văn P có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35,

điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Các văn bản chị T gửi về gồm Đơn xin ly hôn, bản tự khai, hộ chiếu, giấy ủy quyền, đơn xin xử vắng mặt của chị T đều có xác nhận của Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hồng Công và Ma Cao theo quy định tại Điều 478 BLTTDS nên được công nhận là hợp pháp.

- Chị Nguyễn Thị T hiện nay sinh sống ở Ma Cao không có điều kiện về Việt Nam nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh Nguyễn Bảo Long giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án.

- Anh Long đồng ý nhận ủy quyền của chị T để giao nộp và nhận các tài liệu, giấy tờ, quyết định của tòa án, anh Long cam đoan do chị T đang ở Ma Cao nên có nguyện vọng xin được giải quyết vắng mặt và anh Long sẽ có trách nhiệm thông báo và giao lại cho chị T các giấy tờ, tài liệu, quyết định của tòa án.

- Bà M1 là mẹ đẻ của chị T, đồng ý nhận ủy quyền của chị T để thay chị T chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu M và K trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

- Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh T có mặt tại địa P tuy nhiên do công việc bận không thể lên tòa án làm việc, thông qua ông T1 và bà Chính là bố mẹ đẻ anh T xác định anh T đã nhận các văn bản tố tụng và trình bày lại quan điểm của anh T và anh T đã gửi đơn trình bày quan điểm lên tòa án. Đồng thời, Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị T và anh P vắng mặt, đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã thông báo qua thân nhân và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T, anh P là phù hợp.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị T và anh P tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nghi ngờ tình cảm sự chung thủy của nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Anh P nhiều lần làm đơn xin ly hôn chị T. Chị T đã đưa hai con về ở tại nhà mẹ đẻ và anh chị đã ly thân từ tháng 01/2016 đến nay không có liên lạc gì với nhau. Tháng 12/2017 chị T sang Ma Cao lao động. Xét thấy tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt

được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[3] Về quan hệ con chung:** Chị T và anh P cùng xác định có 02 con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 14/12/2005 và Đỗ Hữu K, sinh ngày 16/6/2008, hiện hai cháu đang ở với bà Phạm Thị M1 là mẹ đẻ của chị T. Khi ly hôn chị T và anh P cùng đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do mẹ đẻ của chị T là bà Phạm Thị M1 chăm sóc thay trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai cháu M và K có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy quan điểm của anh chị có sự thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận.

Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết về chi phí cấp dưỡng. Chi phí chăm sóc cháu M và K do bà M1 và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không xét.

**[4] Về quan hệ tài sản chung:** Chị T và anh P cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên HĐXX không xét.

**[5] Về án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273, Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn P.

**2. Về quan hệ con chung:** Giao con chung là Đỗ Ngọc M, sinh ngày 14/12/2005 và Đỗ Hữu K, sinh ngày 16/6/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do bà Phạm Thị M1, sinh năm 1947, địa chỉ cư trú: Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tiếp tục thay chị T chăm sóc

trong thời gian chị T không ở Việt Nam. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Đỗ Văn P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng do anh Nguyễn Bảo Long nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2020/0004554 ngày 20/10/2021. Chị T đã nộp đủ án phí.

**4. Án xử sơ thẩm công khai,** các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Đăng Huy**